

**Confidential
Information (CIF)
Thông Tin Mật
(CIF)**

**Clerk: Do not file in
a public access file
Lục SỰ: Không lưu
trữ trong một hồ sơ
công khai**

Superior Court of Washington,
Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang
Washington,

County: _____
Quận: _____

Case No.: _____
Vụ Kiện Số: _____

Important! Only court staff and some state agencies may see this form. The other party and their lawyer may not see this form unless a court order allows it. State agencies may disclose the information in this form according to their own rules.

Quan trọng! Chỉ có nhân viên tòa án và một số cơ quan chính phủ có thể xem mẫu đơn này. Bên khác và luật sư của họ không thể xem mẫu đơn này trừ khi lệnh của tòa cho phép. Các cơ quan của tiểu bang có thể tiết lộ thông tin trong mẫu đơn này căn cứ theo nguyên tắc riêng của họ.

1. Who is completing this form? (Name): _____
Ai đang điền mẫu đơn này? (Tên):
2. Is there a current restraining or protection order involving the parties or children? [] Yes [] No
Hiện tại có lệnh bảo vệ hoặc lệnh ngăn cấm nào có liên quan đến các bên hoặc đến đứa trẻ hay không? [-] Có [] Không
If yes, who does the order protect? (Name/s): _____
Nếu có, lệnh này bảo vệ cho (những) ai? ((Các) Tên):
3. Does your address information need to be confidential to protect your or your children's health, safety, or liberty? (Check one): [] Yes [] No
Thông tin địa chỉ của quý vị có cần phải được bảo mật để bảo vệ sức khỏe, sự an toàn, hoặc quyền tự do của quý vị hoặc của đứa trẻ hay không? (Đánh dấu chọn một): [-] Có [-] Không
If yes, explain why? _____
Nếu có, xin giải thích tại sao?
4. **Your Information** - This person is a (check one): [] Petitioner [] Respondent
Thông Tin Của Quý Vị - Người này là một (đánh dấu chọn một): [-] Nguyên Đơn[-] Bị Đơn
Interpreter needed? [] Yes [] No Language, if yes:
Cần thông dịch viên? [-] Có [-] Không Ngôn ngữ, nếu có:

Full name (<i>first, middle, last</i>): Họ tên (<i>tên, tên đệm, họ</i>):		Date of birth (<i>MM/DD/YYYY</i>): Ngày tháng năm sinh (<i>MM/DD/YYYY</i>):	Sex: Giới tính:
Driver's license/Identicard (<i>No., state</i>): Giấy phép lái xe/Thẻ căn cước (<i>Số, tiểu bang</i>):	Race: Chủng Tộc:	Relationship to children in this case: Mối liên hệ với đứa trẻ trong trường hợp này:	
Mailing address (<i>This address will not be kept private.</i>) (<i>street address or P.O. box, city, state zip</i>): Địa chỉ gửi thư (<i>Địa chỉ này sẽ không được giữ kín.</i>) (<i>địa chỉ đường hoặc hộp thư Bưu điện, thành phố, tiểu bang, mã zip</i>):			

Home address (<i>check one</i>): <input type="checkbox"/> same as mailing address <input type="checkbox"/> listed below (<i>street, city, state, zip</i>): Địa chỉ nhà (<i>đánh dấu chọn một</i>): <input type="checkbox"/> giống với địa chỉ gửi thư <input type="checkbox"/> được liệt kê bên dưới (<i>đường, thành phố, tiểu bang, zip</i>):		
Phone: Điện Thoại:	Email: Email:	Social Sec. No: An Sinh Xã Hội Số:
Employer's name: Tên chủ lao động:		Employer's phone: Điện thoại chủ lao động:
Employer's address: Địa chỉ chủ lao động:		

5. Other Party's Information – This person is a (*check one*): Petitioner Respondent
Thông Tin Của Bên Khác – Người này là một (*đánh dấu chọn một*): Nguyên Đơn Bị Đơn

Interpreter needed? Yes No Language, if yes: _____
Cần thông dịch viên? Có Không Ngôn ngữ, nếu có:

Full name (<i>first, middle, last</i>): Họ tên (<i>tên, tên đệm, họ</i>):		Date of birth (<i>MM/DD/YYYY</i>): Ngày tháng năm sinh (<i>MM/DD/YYYY</i>):	Sex: Giới tính:
Driver's license/Identicard (<i>No., state</i>): Giấy phép lái xe/Thẻ căn cước (<i>Số, tiểu bang</i>):	Race: Chủng Tộc:	Relationship to children in this case: Mối liên hệ với đứa trẻ trong trường hợp này:	
Mailing address (<i>This address will not be kept private.</i>) (<i>street address or PO box, city, state zip</i>): Địa chỉ gửi thư (<i>Địa chỉ này sẽ không được giữ kín.</i>) (<i>địa chỉ đường hoặc hộp thư Bưu điện, thành phố, tiểu bang, mã zip</i>):			

Home address (<i>check one</i>): <input type="checkbox"/> same as mailing address <input type="checkbox"/> listed below (<i>street, city, state, zip</i>): Địa chỉ nhà (<i>đánh dấu chọn một</i>): <input type="checkbox"/> giống với địa chỉ gửi thư <input type="checkbox"/> được liệt kê bên dưới (<i>đường, thành phố, tiểu bang, zip</i>):		
Phone: Điện Thoại:	Email: Email:	Social Sec. No: An Sinh Xã Hội Số:
Employer's name: Tên chủ lao động:		Employer's phone: Điện thoại chủ lao động:
Employer's address: Địa chỉ chủ lao động:		

- **Skip sections 6–9 if your case does not involve children. Sign at the end.**
 ➤ **Bỏ qua phần 6–9 nếu vụ kiện của quý vị không có liên quan đến đứa trẻ. Ký tên ở phía cuối.**

6. Children's Information
Thông Tin Của Đứa Trẻ

Child's full name (<i>first, middle, last</i>) Họ tên đứa trẻ (<i>tên, tên đệm, họ</i>)	Date of birth (<i>MM/DD/YYYY</i>) Ngày tháng năm sinh (<i>MM/DD/YYYY</i>)	Race Chủng Tộc	Sex Giới tính	Soc. Sec. No. An Sinh Xã Hội Số	Current location: lives with Địa điểm hiện tại: sống cùng với
1.					<input type="checkbox"/> You <input type="checkbox"/> Quý vị <input type="checkbox"/> other party: _____ <input type="checkbox"/> bên khác: _____
2.					<input type="checkbox"/> You <input type="checkbox"/> Quý vị <input type="checkbox"/> other party: _____ <input type="checkbox"/> bên khác: _____
3.					<input type="checkbox"/> You <input type="checkbox"/> Quý vị <input type="checkbox"/> other party: _____ <input type="checkbox"/> bên khác: _____
4.					<input type="checkbox"/> You <input type="checkbox"/> Quý vị <input type="checkbox"/> other party: _____ <input type="checkbox"/> bên khác: _____

7. Have the children lived with anyone other than you or the other party during the last five years? (Check one): No Yes If **yes**, fill out below:

Đứa trẻ đã từng sống với ai khác ngoài quý vị hoặc bên kia trong vòng 5 năm qua không? (Đánh dấu chọn một): [-] Không [-] Có Nếu **có**, xin điền dưới đây:

Children lived with (name) Đứa trẻ đã sống cùng với (tên)	That person's current address Địa chỉ hiện tại của người đó
1.	
2.	

8. Do other people (not parents) have custody or visitation rights to the children? Check one): No Yes If **yes**, fill out below:

Người khác (không phải cha mẹ) có quyền giám hộ hoặc thăm đứa trẻ không?
(Đánh dấu chọn một): [-] Không [-] Có Nếu **có**, xin điền dưới đây:

Person with rights (name) Người có quyền (tên)	That person's current address Địa chỉ hiện tại của người đó
1.	
2.	

I declare under penalty of perjury under Washington State law that the information on this form about me is true. The information about the other party is the best information I have or is unavailable because (explain): _____

Chiếu theo qui định hình phạt về tội khai gian theo luật pháp của Tiểu Bang Washington, tôi xin cung khai rằng thông tin trên mẫu này về tôi là đúng sự thực. Thông tin về bên khác là thông tin tốt nhất mà tôi có hoặc không khả dụng bởi vì (giải thích): _____

Check here if you need more space to list other Petitioners, Respondents, or children. Put that information on the *Attachment to Confidential Information*, form FL All Family 002, and attach it to this form.

Chọn nếu quý vị cần thêm khoảng trống để liệt kê những Nguyên Đơn, những Bị Đơn, hoặc những đứa trẻ khác. Hãy ghi thông tin đó vào *Phần Đính Kèm Thông Tin Mật*, mẫu đơn FL Tất Cả Mọi Gia Đình 002, và đính kèm với mẫu đơn này.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

Petitioner/Respondent signs here
Nguyên Đơn/Bị Đơn ký tại đây

Print name here
Viết chữ in họ và tên ở đây